

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM FWD BỘ ĐÔI TÀI SẢN 2.0

Sản phẩm bảo hiểm của Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ FWD Việt Nam



Tự do tài chính là một hành trình không chỉ có vật chất, mà còn là hành trình thay đổi nhận thức về sự hạnh phúc. Biết cảm thấy đủ và cho phép mình dành thời gian chất lượng cho bản thân và những người xung quanh. Hãy để mỗi bước đi lúc này trở thành một lần bạn vun đắp tự do, tự do trong chính khoảnh khắc hiện tại, và hướng đến sự tự do lớn hơn trong tương lai.

FWD sẽ cùng bạn bảo vệ tài sản tinh thần và sinh sôi tài sản vật chất. Sở hữu một kế hoạch bảo vệ căn bản để cảm thấy an tâm tìm kiếm sự tự do trong tinh thần, đồng thời có một kế hoạch đầu tư vững vàng để từng bước tiến gần hơn với mục tiêu tự do trong tương lai.

Kế hoạch bảo vệ và đầu tư từ FWD, cùng bạn bảo vệ tài sản tinh thần và sinh sôi tài sản vật chất, từng bước vun đắp cho hành trình tự do.



Tăng trưởng tài sản
hướng đến mục tiêu Tự do tài chính



Danh mục cổ phiếu chiến lược tiên phong thị trường



Gia tăng giá trị hợp đồng theo thời gian với **Thưởng duy trì hợp đồng và Thưởng bảo vệ đặc biệt**



Bảo vệ “tài sản vô hình” cho hành trình Tự do tinh thần



Số tiền bảo hiểm tự động tăng 15% mỗi 3 năm mà **không tăng phí và không cần thẩm định sức khỏe**



Bảo vệ trước rủi ro tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn lên tới **380% Số tiền bảo hiểm được lựa chọn** tại thời điểm tham gia



Tối đa tính linh hoạt,
gia tăng quyền chủ động



Linh hoạt lựa chọn kế hoạch theo nhu cầu ưu tiên tập trung bảo vệ, đầu tư, hoặc cân bằng cả hai



Chủ động thiết kế và điều chỉnh kế hoạch đầu tư phù hợp 100% trực tuyến

1. TÓM TẮT QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH

	Tóm tắt quyền lợi	Chi tiết quyền lợi
Quyền lợi bảo vệ	 Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn /Tử vong	▪ Tổng của  Số tiền bảo hiểm tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm và  Toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng.
	 Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn /Tử vong do tai nạn	▪ Thêm 100% Số tiền bảo hiểm
	 Tăng STBH tự động không cần thẩm định sức khỏe	▪ Tăng Số tiền bảo hiểm tự động với mức tăng thêm bằng 15% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm tham gia mỗi 3 năm từ Năm 4 đến Năm 19.
Quyền lợi đầu tư	 Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ liên kết đơn vị	 Các quỹ được chọn lọc tinh gọn, dễ hiểu , mà vẫn cho phép khách hàng linh hoạt thiết kế theo nhu cầu  Danh mục cổ phiếu được lựa chọn đầu tư chuyên biệt theo ngành, theo vốn hóa hoặc giá trị cổ tức  Đầu tư dễ dàng với các nhà đầu tư chuyên nghiệp  Linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đầu tư bất kỳ lúc nào hoàn toàn trực tuyến
	 Thưởng duy trì hợp đồng	▪ Mỗi 3 năm liên tiếp từ Năm 1 tới Năm 18, thưởng thêm số tiền bằng 3% Giá trị bình quân của Tài khoản bảo hiểm trong 36 tháng liên tiếp của mỗi giai đoạn xét thưởng. Điều kiện: Trong mỗi giai đoạn xét thưởng, các điều kiện sau cần được đáp ứng: (i). Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi Năm hợp đồng được đóng đầy đủ trong Năm hợp đồng đó; và (ii). Hợp đồng có hiệu lực trong suốt giai đoạn xét thưởng và tại thời điểm trả thưởng; và (iii). Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm.
	 Thưởng bảo vệ đặc biệt	▪ Thưởng thêm số tiền bằng 100% tổng Phí bảo hiểm rủi ro của mỗi giai đoạn xét thưởng tại cuối Năm hợp đồng thứ 10, thứ 15, thứ 20. Điều kiện: Trong mỗi giai đoạn xét thưởng, các điều kiện sau cần được đáp ứng: (i). Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi Năm hợp đồng được đóng đầy đủ trong Năm hợp đồng đó; và (ii). Hợp đồng có hiệu lực trong suốt giai đoạn xét thưởng và tại thời điểm trả thưởng; và (iii). Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm.
	 Quyền lợi khi kết thúc Thời hạn hợp đồng	▪ Hưởng kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị và nhận toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng
Quyền lợi cộng thêm	 Đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên	▪ Trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, Hợp đồng được đảm bảo duy trì hiệu lực trong trường hợp Tài khoản bảo hiểm không đủ để chi trả Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng. Điều kiện: Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn và Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Thông Tin Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam

Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ FWD Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính. Giấy phép thành lập và hoạt động số 47GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/11/2007, giấy phép thay đổi tên công ty số 47/GPĐC9/KDBH cấp ngày 01/09/2016 và các giấy phép điều chỉnh khác. Vốn điều lệ: 18.546 tỉ đồng (02/2022). Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam; Điện thoại : (+84) 28 6256 3688.

THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Họ và tên: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số: 08910003

Số điện thoại: 0834030891

Văn phòng: AGENCY HEAD OFFICE

THÔNG TIN BÊN MUA BẢO HIỂM

Họ và tên: NGUYEN MINH PHU

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH

Họ và tên: NGUYEN MINH PHU

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 200684449465

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

3. THÔNG TIN SẢN PHẨM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Thời hạn đóng phí (dự kiến)	Thời hạn bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm hàng năm
SẢN PHẨM CHÍNH								
FWD Bộ đôi tài sản 2.0	NGUYEN MINH PHU	30	Nam	1	20 năm	50 năm	3.000.000.000	26.000.000
SẢN PHẨM BỔ TRỢ								
FWD CARE Bảo hiểm tai nạn	NGUYEN MINH PHU	30	Nam	1	40 năm	40 năm	300.000.000	1.212.000
FWD CARE Bảo hiểm trợ cấp nằm viện	NGUYEN MINH PHU	30	Nam	1	35 năm	35 năm	500.000	1.250.000
FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo 2.0	NGUYEN MINH PHU	30	Nam	1	40 năm	40 năm	300.000.000	1.314.000

Phí bảo hiểm

- Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính
- Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ trợ (i)

Tổng phí bảo hiểm định kỳ

Khoản đầu tư thêm dự kiến (ii) :

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ trợ (SPBT) cần được đóng đầy đủ khi đến hạn trong suốt Thời hạn bảo hiểm của SPBT. Các SPBT sẽ mất hiệu lực trong trường hợp Quý khách chưa đóng Phí bảo hiểm của các SPBT sau thời gian gia hạn đóng phí.
- Đây là Khoản đầu tư thêm dự kiến cho năm đầu. Khoản đầu tư thêm các năm sau, nếu có, được thể hiện trong minh họa quyền lợi đầu tư của sản phẩm chính.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 200684449465

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

Thời hạn của sản phẩm bổ trợ FWD CARE Bảo hiểm trợ cấp nằm viện là 1 năm và được tái tục hàng năm. Phí bảo hiểm được thể hiện trên đây là của Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm tái tục sẽ được tính theo tuổi của Người được bảo hiểm tại Ngày tái tục và không đảm bảo. Phí bảo hiểm của 10 năm hợp đồng đầu tiên được minh họa ở phần sau.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

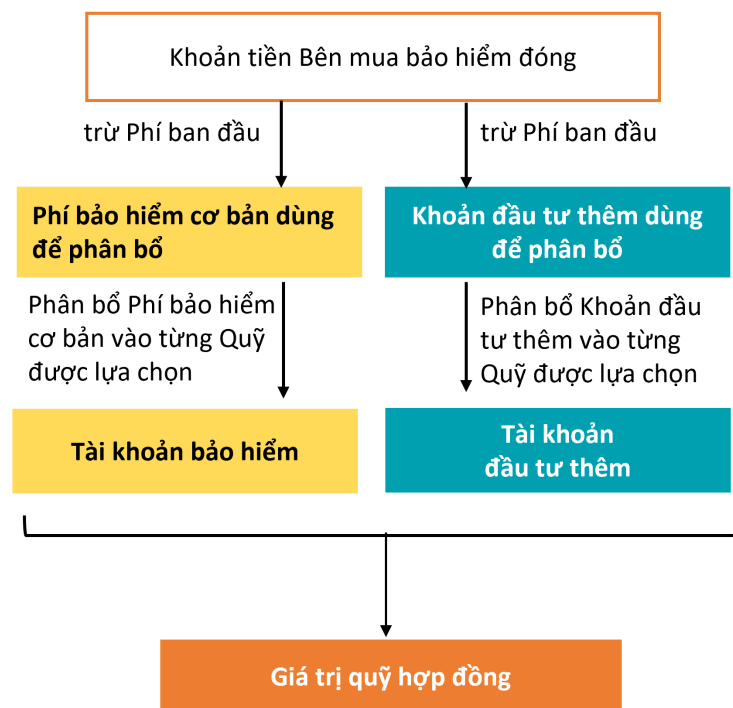
Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 200684449465

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

4. CÁCH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA SẢN PHẨM CHÍNH



Ghi chú:

- Phí bảo hiểm cơ bản là khoản phí bảo hiểm của sản phẩm chính được lựa chọn tại thời điểm tham gia trên cơ sở phù hợp với nhu cầu của mình và tối thiểu là 10 triệu đồng. Quy định về mức Phí bảo hiểm tối thiểu, tối đa được FWD quy định theo từng thời kỳ.

Phí bảo hiểm cơ bản cần được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 3 năm hợp đồng đầu tiên để đảm bảo hợp đồng có hiệu lực. Kể từ năm hợp đồng thứ 4, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí linh hoạt tuy nhiên Bên mua bảo hiểm nên tiếp tục đóng phí đều đặn như dự kiến để đảm bảo thực hiện kế hoạch tài chính.

- Khoản đầu tư thêm là khoản tiền được đóng thêm vào hợp đồng sau khi đã đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ trợ theo định kỳ, nếu có. Mức tối đa của Khoản đầu tư thêm trong mỗi năm hợp đồng hiện tại Công ty quy định là 10 lần Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của năm hợp đồng đầu tiên.
- Bên mua bảo hiểm có thể chọn một hoặc kết hợp nhiều Quỹ liên kết đơn vị nhằm đáp ứng tốt mục tiêu đầu tư và bảo vệ của mình.

5. PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Sau khi khấu trừ Phí ban đầu, Phí bảo hiểm cơ bản và Khoản đầu tư thêm, nếu có, được phân bổ vào (các) Quỹ liên kết đơn vị theo tỷ lệ do Bên mua bảo hiểm lựa chọn, cụ thể như sau:

Quỹ liên kết đơn vị	Quỹ năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Chiến lược	Quỹ cân bằng	Quỹ ổn định	Quỹ Tích lũy
Tỷ lệ phân bổ Phí bảo hiểm cơ bản	30%	0%	0%	0%	0%	70%
Tỷ lệ phân bổ Khoản đầu tư thêm	0%	0%	0%	0%	0%	0%

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

5. PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ vào từng Quỹ						Phí bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính	Phí quản lý hợp đồng
	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí đã đóng		Quỹ Năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Chiến lược	Quỹ Cân bằng	Quỹ Ổn định	Quỹ Tích lũy		
	(1)	(2)	(3)=(1)+(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/31	26.000	-	26.000	22.100	1.170	-	-	-	-	2.730	7.389	504
2/32	26.000	-	26.000	18.200	2.340	-	-	-	-	5.460	7.539	540
3/33	26.000	-	26.000	5.200	6.240	-	-	-	-	14.560	7.749	576
4/34	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	9.187	612
5/35	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	9.532	648
6/36	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	9.946	684
7/37	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	11.829	720
8/38	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	12.492	720
9/39	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	13.233	720
10/40	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	15.717	720
11/41	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	16.804	720
12/42	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	17.979	720
13/43	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	21.230	720
14/44	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	22.766	720
15/45	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	24.398	720
16/46	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	28.576	720
17/47	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	30.623	720
18/48	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	32.776	720
19/49	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	38.093	720
20/50	26.000	-	26.000	-	7.800	-	-	-	-	18.200	40.886	720

Ghi chú:

- Tổng phí bảo hiểm được phân bổ = Tổng phí bảo hiểm đã đóng – Phí ban đầu (*tham khảo chi tiết các loại phí tại mục 8.4*)
- Phí bảo hiểm rủi ro được trình bày trong bảng minh họa tính cho người có sức khỏe chuẩn theo quy định của FWD.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

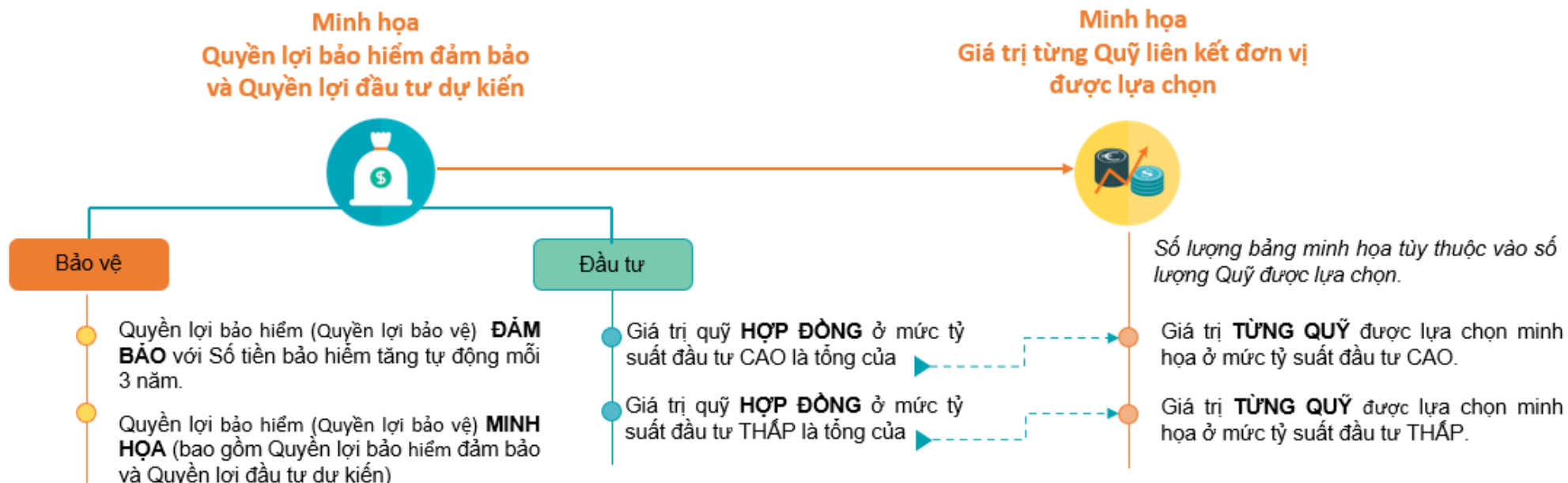
Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 200684449465

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Phần 6 sẽ minh họa các quyền lợi của sản phẩm chính bao gồm các nội dung chính như sau:



Mức tỷ suất đầu tư dự kiến được dùng để minh họa cho từng Quỹ như sau:

Mức tỷ suất đầu tư	Quỹ năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Chiến lược	Quỹ cân bằng	Quỹ ổn định	Quỹ Tích lũy
Thấp (%)	1,00%	1,00%	1,00%	2,30%	3,00%	3,00%
Cao (%)	9,00%	9,00%	9,00%	7,95%	6,00%	6,00%

Mức tỷ suất đầu tư thực tế từ hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị có thể cao hoặc thấp hơn mức tỷ suất đầu tư dự kiến dùng để minh họa và không được đảm bảo.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH – QUYỀN LỢI BẢO VỆ ĐẢM BẢO VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Tổng phí bảo hiểm được phân bổ	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo(**)	MINH HẠ QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO(*) (không đảm bảo)						Rút tiền
			Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị quỹ hợp đồng	Quyền lợi bảo hiểm minh họa(**)	Giá trị hoàn lại	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)	(7)=(2)+(6)	(8)	(9)
1/31	3.900	6.000.000	-	-	-	-	6.000.000	-	-
2/32	7.800	6.000.000	-	-	-	-	6.000.000	-	-
3/33	20.800	6.000.000	9.149	-	142	9.292	6.009.292	-	-
4/34	26.000	6.900.000	27.566	-	-	27.566	6.927.566	4.166	-
5/35	26.000	6.900.000	46.711	-	-	46.711	6.946.711	25.911	-
6/36	26.000	6.900.000	66.716	-	1.505	68.222	6.968.222	50.022	-
7/37	26.000	7.800.000	87.732	-	-	87.732	7.887.732	72.132	-
8/38	26.000	7.800.000	107.915	-	-	107.915	7.907.915	97.515	-
9/39	26.000	7.800.000	128.739	-	3.325	132.064	7.932.064	126.864	-
10/40	26.000	8.700.000	151.998	-	104.613	256.610	8.956.610	256.610	-
11/41	26.000	8.700.000	284.035	-	-	284.035	8.984.035	284.035	-
12/42	26.000	8.700.000	312.185	-	7.494	319.679	9.019.679	319.679	-
13/43	26.000	9.600.000	346.971	-	-	346.971	9.946.971	346.971	-
14/44	26.000	9.600.000	374.616	-	-	374.616	9.974.616	374.616	-
15/45	26.000	9.600.000	402.544	-	114.396	516.940	10.116.940	516.940	-
16/46	26.000	10.500.000	550.432	-	-	550.432	11.050.432	550.432	-
17/47	26.000	10.500.000	584.215	-	-	584.215	11.084.215	584.215	-
18/48	26.000	10.500.000	618.209	-	17.420	635.630	11.135.630	635.630	-
19/49	26.000	11.400.000	667.776	-	-	667.776	12.067.776	667.776	-
20/50	26.000	11.400.000	699.373	-	170.954	870.327	12.270.327	870.327	-

(*) Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao được tính toán dựa trên mức Tỷ suất đầu tư cao của tất cả các Quỹ được lựa chọn.

(**) Bao gồm (i) quyền lợi Tử Vong; Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; Tử Vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do Tai nạn và (ii) quyền lợi Tăng số tiền bảo hiểm tự động không cần thẩm định sức khỏe mỗi 3 năm từ Năm thứ 4 đến Năm thứ 19.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 200684449465

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH – QUYỀN LỢI BẢO VỆ ĐẢM BẢO VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ DỰ KIẾN (tiếp tục)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Tổng phí bảo hiểm được phân bổ	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo(**)	MINH HẠ QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP(*) (không đảm bảo)						Rút tiền
			Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị quỹ Hợp đồng	Quyền lợi bảo hiểm minh họa(**)	Giá trị hoàn lại	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)	(7)=(2)+(6)	(8)	(9)
1/31	3.900	6.000.000	-	-	-	-	6.000.000	-	-
2/32	7.800	6.000.000	-	-	-	-	6.000.000	-	-
3/33	20.800	6.000.000	8.530	-	138	8.668	6.008.668	-	-
4/34	26.000	6.900.000	25.574	-	-	25.574	6.925.574	2.174	-
5/35	26.000	6.900.000	42.502	-	-	42.502	6.942.502	21.702	-
6/36	26.000	6.900.000	59.383	-	1.400	60.783	6.960.783	42.583	-
7/37	26.000	7.800.000	76.163	-	-	76.163	7.876.163	60.563	-
8/38	26.000	7.800.000	91.246	-	-	91.246	7.891.246	80.846	-
9/39	26.000	7.800.000	105.945	-	2.885	108.830	7.908.830	103.630	-
10/40	26.000	8.700.000	121.441	-	104.613	226.054	8.926.054	226.054	-
11/41	26.000	8.700.000	240.384	-	-	240.384	8.940.384	240.384	-
12/42	26.000	8.700.000	253.886	-	6.330	260.216	8.960.216	260.216	-
13/43	26.000	9.600.000	270.917	-	-	270.917	9.870.917	270.917	-
14/44	26.000	9.600.000	280.336	-	-	280.336	9.880.336	280.336	-
15/45	26.000	9.600.000	288.345	-	111.803	400.148	10.000.148	400.148	-
16/46	26.000	10.500.000	406.817	-	-	406.817	10.906.817	406.817	-
17/47	26.000	10.500.000	411.597	-	-	411.597	10.911.597	411.597	-
18/48	26.000	10.500.000	414.336	-	12.621	426.957	10.926.957	426.957	-
19/49	26.000	11.400.000	424.700	-	-	424.700	11.824.700	424.700	-
20/50	26.000	11.400.000	419.578	-	170.954	590.532	11.990.532	590.532	-

(*) Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp được tính toán dựa trên mức Tỷ suất đầu tư thấp của tất cả các Quỹ được lựa chọn.

(**) Bao gồm (i) quyền lợi Tử Vong; Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; Tử Vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do Tai nạn và (ii) quyền lợi Tăng số tiền bảo hiểm tự động không cần thẩm định sức khỏe mỗi 3 năm từ Năm thứ 4 đến Năm thứ 19.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 200684449465

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH - GIÁ TRỊ QUỸ NĂNG ĐỘNG DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm được phân bổ	Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư cao (9,00%) (không đảm bảo)				Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư thấp (1,00%) (không đảm bảo)			
		Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị Quỹ	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị Quỹ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (2)+(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)+(7)+(8)
1/31	1.170	-	-	-	-	-	-	-	-
2/32	2.340	-	-	-	-	-	-	-	-
3/33	6.240	2.804	-	43	2.847	2.522	-	41	2.563
4/34	7.800	8.476	-	-	8.476	7.542	-	-	7.542
5/35	7.800	14.467	-	-	14.467	12.472	-	-	12.472
6/36	7.800	20.826	-	452	21.278	17.333	-	420	17.753
7/37	7.800	27.597	-	-	27.597	22.120	-	-	22.120
8/38	7.800	34.232	-	-	34.232	26.356	-	-	26.356
9/39	7.800	41.181	-	997	42.179	30.439	-	865	31.305
10/40	7.800	48.978	-	31.384	80.361	34.737	-	31.384	66.120
11/41	7.800	90.301	-	-	90.301	69.535	-	-	69.535
12/42	7.800	100.673	-	2.248	102.921	72.687	-	1.899	74.586
13/43	7.800	113.249	-	-	113.249	76.900	-	-	76.900
14/44	7.800	123.883	-	-	123.883	78.857	-	-	78.857
15/45	7.800	134.803	-	34.319	169.122	80.429	-	33.541	113.970
16/46	7.800	182.731	-	-	182.731	114.640	-	-	114.640
17/47	7.800	196.725	-	-	196.725	114.810	-	-	114.810
18/48	7.800	211.062	-	5.226	216.288	114.464	-	3.786	118.251
19/49	7.800	230.354	-	-	230.354	116.528	-	-	116.528
20/50	7.800	244.488	-	51.286	295.774	114.111	-	51.286	165.397

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 200684449465

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH - GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm được phân bổ	Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư cao (6,00%) (không đảm bảo)				Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư thấp (3,00%) (không đảm bảo)			
		Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thường	Giá trị Quỹ	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thường	Giá trị Quỹ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)+(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)+(7)+(8)
1/31	2.730	-	-	-	-	-	-	-	-
2/32	5.460	-	-	-	-	-	-	-	-
3/33	14.560	6.346	-	100	6.445	6.008	-	97	6.105
4/34	18.200	19.090	-	-	19.090	18.032	-	-	18.032
5/35	18.200	32.243	-	-	32.243	30.030	-	-	30.030
6/36	18.200	45.890	-	1.054	46.944	42.049	-	980	43.029
7/37	18.200	60.135	-	-	60.135	54.043	-	-	54.043
8/38	18.200	73.683	-	-	73.683	64.890	-	-	64.890
9/39	18.200	87.558	-	2.327	89.885	75.506	-	2.019	77.525
10/40	18.200	103.020	-	73.229	176.249	86.705	-	73.229	159.933
11/41	18.200	193.735	-	-	193.735	170.849	-	-	170.849
12/42	18.200	211.512	-	5.246	216.758	181.200	-	4.431	185.631
13/43	18.200	233.722	-	-	233.722	194.017	-	-	194.017
14/44	18.200	250.733	-	-	250.733	201.479	-	-	201.479
15/45	18.200	267.741	-	80.077	347.818	207.916	-	78.262	286.178
16/46	18.200	367.700	-	-	367.700	292.176	-	-	292.176
17/47	18.200	387.490	-	-	387.490	296.787	-	-	296.787
18/48	18.200	407.147	-	12.194	419.342	299.872	-	8.835	308.707
19/49	18.200	437.423	-	-	437.423	308.172	-	-	308.172
20/50	18.200	454.885	-	119.668	574.552	305.467	-	119.668	425.134

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 200684449465

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

Ghi chú sản phẩm chính:

- Mức tỷ suất đầu tư minh họa của từng Quỹ đã khấu trừ Phí quản lý quỹ tương ứng (*tham khảo chi tiết các loại phí tại mục 8.4.*) để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị và giả định là không thay đổi trong suốt Thời hạn hợp đồng.
Giá trị của từng Quỹ liên kết đơn vị được xác định bằng số lượng đơn vị quỹ và giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu 1 lần mỗi tuần. Giá trị quỹ hợp đồng bằng tổng giá trị của từng Quỹ liên kết đơn vị được lựa chọn.
- Các khoản thưởng trong Bảng minh họa quyền lợi của sản phẩm chính tại mục 6 sẽ được tự động phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm của hợp đồng theo Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm cơ bản đang áp dụng gần nhất.
- Giá trị hoàn lại bằng Tài khoản bảo hiểm tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng (*tham khảo chi tiết các loại phí tại mục 8.4*), cộng với Tài khoản đầu tư thêm và trừ đi các khoản nợ, nếu có.
- Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút một phần tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng bất kỳ lúc nào sau thời gian cân nhắc. Các khoản rút tiền sẽ thực hiện theo thứ tự từ Tài khoản đầu tư thêm sau đó đến Tài khoản bảo hiểm.
- Nếu Giá trị quỹ hợp đồng không đủ để chi trả Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, hợp đồng sẽ mất hiệu lực ngoại trừ trường hợp Hợp đồng đang hưởng quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng trong 3 năm hợp đồng đầu tiên. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 2 năm kể từ ngày hợp đồng mất hiệu lực.
- Các khoản nợ, nếu có, sẽ được FWD khấu trừ trước khi chi trả bất cứ quyền lợi nào.
- Theo quy định của pháp luật, Bảng minh họa quyền lợi này chỉ thể hiện quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí để duy trì Hợp đồng thì Giá trị quỹ của hợp đồng vẫn tiếp tục được duy trì và được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư vào Ngày kết thúc thời hạn hợp đồng.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ



7. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO VỆ CỦA SẢN PHẨM BẢO TRỢ

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm	
NGUYEN MINH PHU			
FWD CARE Bảo hiểm tai nạn	Tổn thương hoặc tử vong do tai nạn	Quyền lợi chi tiết được mô tả tại Bảng quyền lợi bảo hiểm - FWD CARE Bảo hiểm tai nạn ở phần sau	
FWD CARE Bảo hiểm trợ cấp nằm viện	Trợ cấp nằm viện hàng ngày	500.000 cho mỗi Ngày nằm viện	
	Trợ cấp nằm viện hàng ngày tại Phòng chăm sóc đặc biệt	2.500.000 cho mỗi Ngày nằm viện	
	Trợ cấp chi phí Phẫu thuật	5.000.000 cho mỗi lần Phẫu thuật	
FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo 2.0	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Tối đa 150.000.000/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Chi trả quyền lợi cho tối đa 2 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
	Bệnh hiểm nghèo	300.000.000	
	Ung thư phổ biến theo giới tính	150.000.000	

QUÝ KHÁCH SẼ NHẬN ĐƯỢC TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ



BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM - FWD CARE BẢO HIỂM TAI NẠN

1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN		1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN (tiếp theo)	
Sự kiện bảo hiểm	% Số tiền bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	% Số tiền bảo hiểm
A. GÃY XƯƠNG		C. HÒN MỀ	
A1. Vỡ xương sọ			100%
Vỡ xương sọ có trải qua can thiệp Phẫu thuật sọ não	30%	D. BÔNG	
Vỡ xương sọ không trải qua can thiệp Phẫu thuật sọ não	10%	D1. Bông độ 3 từ hơn 50% diện tích da	100%
A2. Gãy xương mặt		D2. Bông độ 3 từ hơn 20% đến 50% diện tích da	75%
Gãy xương hàm dưới hoặc xương hàm trên	10%	D3. Bông độ 3 từ 10% đến 20% diện tích da	50%
Gãy 1 trong các xương mặt khác (trừ xương mũi)	5%	D4. Bông độ 2 từ hơn 20% diện tích da	25%
A3. Cột sống		E. THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN	
Vỡ đốt sống có trải qua can thiệp Phẫu thuật cột sống	30%	E1. Cả 2 tay	100%
Vỡ đốt sống không trải qua can thiệp Phẫu thuật cột sống	10%	E2. Cả 2 chân	100%
Gãy xương cột và/hoặc xương cùng	5%	E3. Thị lực của cả 2 mắt	100%
A4. Xương thân: gãy 1 trong các xương		E4. 1 tay và 1 chân	100%
Xương đòn; xương chậu ức; xương vai; xương ức; xương sườn	5%	E5. 1 tay hoặc 1 chân và thị lực 1 mắt	100%
A5. Xương tay: gãy 1 trong các xương		E6. 1 tay hoặc 1 chân	50%
Xương cánh tay; xương trụ; xương quay	5%	E7. Thính lực của cả 2 tai	50%
Xương cổ tay; xương bàn tay; xương đốt ngón tay	2% (tối đa 5%/ tai nạn)	E8. Thị lực của 1 mắt	50%
A6. Xương chân: gãy 1 trong các xương		E9. 2 ngón tay cái	20%
Xương đùi; xương chày	10%	E10. Thính lực của 1 tai	10%
Xương bánh chè; xương mác; xương gót	5%	E11. Bất kỳ ngón tay hoặc ngón chân nào	5%
Xương cổ chân; xương bàn chân; xương đốt ngón chân	2% (tối đa 5%/ tai nạn)	F. TỬ VONG	
A7. Xương chậu		F1. Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên phương tiện giao thông đường hàng không	300%
Gãy xương chậu	20%	F2. Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên các phương tiện giao thông công cộng	200%
B. CHẤN THƯƠNG CƠ QUAN NỘI TẠNG		F3. Tử vong do Tai nạn khác	100%
B1. Chấn thương gây thủng, vỡ hoặc hư hỏng các cơ quan nội tạng (tim; phổi; gan; thận; lá lách; tụy; bàng quang; niệu quản; dạ dày; ruột non; ruột già; trực tràng) có trải qua Phẫu thuật ngực/ bụng.	20%	2. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TĂNG THÊM	
B2. Tràn khí màng phổi và/ hoặc tràn máu màng phổi	10%	Người được bảo hiểm và vợ/chồng của Người được bảo hiểm đều tử vong do cùng 1 Tai nạn.	Chi trả gấp đôi quyền lợi tử vong ở nhóm F

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

SẢN PHẨM BỒ TRỢ FWD CARE BẢO HIỂM TRỢ CẤP NÀM VIỆN

Minh họa Phí bảo hiểm trong 10 Năm hợp đồng đầu tiên

Đơn vị tính: đồng

Người được bảo hiểm	Năm hợp đồng									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
NGUYEN MINH PHU	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000

Phí bảo hiểm trình bày theo bảng trên là phí theo định kỳ Hàng năm và được tính cho Người được bảo hiểm có sức khỏe chuẩn theo quy định của Công ty

Ghi chú – Sản phẩm bổ trợ, nếu có:

FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo 2.0: Danh sách Bệnh hiểm nghèo (BHN) được bảo hiểm bởi Sản phẩm bổ trợ này được liệt kê trong danh sách ở phần sau.

- Quyền lợi BHN giai đoạn đầu được chi trả tối đa 2 lần với điều kiện Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc BHN giai đoạn đầu lần thứ 2 khác Loại BHN với BHN giai đoạn đầu đã được Công ty chấp thuận chi trả trước đó ;
- Quyền lợi BHN sẽ được chi trả sau khi trừ đi Quyền lợi BHN giai đoạn đầu thuộc cùng Loại BHN đã chi trả trước đó, nếu có ;
- Quyền lợi Ung thư phổ biến theo giới tính sẽ được chi trả khi Quyền lợi BHN bên trên được chi trả cho bệnh Ung thư giai đoạn sau. Ung thư phổ biến theo giới tính được liệt kê như sau:
 - ✓ Nam: Ung thư gan, Ung thư phổi, Ung thư dạ dày.
 - ✓ Nữ: Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung, Ung thư tử cung.
- Trong mọi trường hợp, tổng số tiền chi trả cho tất cả các yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho một Người được bảo hiểm trong suốt Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này được quy định như sau:
 - ✓ Tổng quyền lợi BHN giai đoạn đầu và BHN không vượt quá 150% Số tiền bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này và;
 - ✓ Tổng quyền lợi BHN giai đoạn đầu, BHN và Ung thư phổ biến theo giới tính không vượt quá 200% Số tiền bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này.

FWD CARE Bảo hiểm tai nạn:

- Trường hợp Tồn thương do Tai nạn (bao gồm Gãy xương, Chấn thương cơ quan nội tạng, Hôn mê, Bỏng và Thương tật vĩnh viễn):
 - ✓ Nếu cùng 1 Tai nạn gây ra nhiều Tồn thương khác nhau, Công ty sẽ chi trả quyền lợi cho tất cả các Tồn thương theo quy định tại Bảng quyền lợi bảo hiểm.
 - ✓ Nếu 1 Tai nạn gây ra 1 Tồn thương thì tổng quyền lợi chi trả không vượt quá tỷ lệ % Số tiền bảo hiểm chi trả trong trường hợp có trải qua Phẫu thuật.
 - ✓ Trong mọi trường hợp, tổng quyền lợi tối đa chi trả cho các trường hợp Tồn thương là 100% Số tiền bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này.
- Trường hợp tử vong do Tai nạn:

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

- ✓ Quyền lợi tử vong sẽ trừ đi các quyền lợi đã được chi trả trước đó cho các trường hợp Tồn thương do Tai nạn, nếu có, trước khi
 - chi trả cho quyền lợi tử vong thuộc nhóm F của Quyền lợi bảo hiểm cơ bản; hoặc
 - nhân đôi để chi trả cho Quyền lợi bảo hiểm tăng thêm.
- ✓ Trong mọi trường hợp, Công ty sẽ chỉ chi trả quyền lợi tử vong do Tai nạn thuộc nhóm F của Quyền lợi bảo hiểm cơ bản hoặc Quyền lợi bảo hiểm tăng thêm.

FWD CARE Bảo hiểm trợ cấp nằm viện: trong mọi trường hợp, quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm bảo trợ này được chi trả không vượt mức tối đa theo quy định dưới đây:

- Quyền lợi trợ cấp viện phí hàng ngày được chi trả cho tối đa 150 ngày trong mỗi năm hợp đồng.
- Quyền lợi trợ cấp viện phí hàng ngày tại Phòng chăm sóc đặc biệt được chi trả cho tối đa 30 ngày trong mỗi năm hợp đồng. Cho cùng Ngày nằm viện, Công ty sẽ chỉ chi trả Quyền lợi trợ cấp nằm viện hàng ngày hoặc Quyền lợi trợ cấp nằm viện hàng ngày tại Phòng chăm sóc đặc biệt.
- Quyền lợi trợ cấp chi phí Phẫu thuật được chi trả 1 lần cho dù Người được bảo hiểm thực hiện (i) nhiều Phẫu thuật cho cùng 1 chấn thương hoặc 1 Bệnh trong 1 lần Điều trị nội trú hoặc (ii) nhiều giai đoạn cho cùng 1 Phẫu thuật.

Tổng số tiền chi trả cho Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho tất cả các sản phẩm mà Người được bảo hiểm tham gia với FWD không vượt quá các giới hạn sau:

- Người được bảo hiểm từ 30 ngày tuổi đến dưới 6 tuổi: 2,5 tỷ đồng.
- Người được bảo hiểm từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi: 4 tỷ đồng.
- Người được bảo hiểm từ 18 tuổi trở lên: 20 tỷ đồng.

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bảo trợ tham gia để biết thêm chi tiết về quyền lợi.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CẦN BIẾT

8.1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Quỹ liên kết đơn vị được FWD thiết lập với mục tiêu và danh mục đầu tư được trình bày như sau:

	Quỹ Năng động	Quỹ Chiến lược	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Ổn định	Quỹ Tích lũy
Công ty quản lý Quỹ	SSIAM	VCBF	VCBF	SSIAM	SSIAM	VCBF
Mục tiêu đầu tư	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận trong dài hạn.	Tăng trưởng vốn đầu tư và thu nhập từ cổ tức nhưng mục tiêu ban đầu là cổ tức.	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận trong dài hạn.	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn.	Thu nhập ổn định và bảo toàn vốn.	Thu nhập ổn định và bảo toàn vốn.
Chính sách đầu tư	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập cổ tức cao.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao và các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 200684449465

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

	Quỹ Năng động	Quỹ Chiến lược	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Ổn định	Quỹ Tích lũy
Danh mục đầu tư	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và thị trường giao dịch chứng khoán tập trung (tối thiểu 80%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc đã đăng ký giao dịch trên UPCoM (80%-100%). Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác. Danh mục đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu có tỷ suất cổ tức (cổ tức/giá cổ phiếu) cao hơn mức bình quân của thị trường (được xác định mỗi năm).	Cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc đã đăng ký giao dịch trên UPCoM (80% - 100%). Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác. Danh mục đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng cao, chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn hoá vừa (được xác định mỗi năm).	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và thị trường giao dịch chứng khoán tập trung (35% - 65%). Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (35% - 65%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (tối thiểu 80%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, và chứng chỉ tiền gửi (75%-100%). Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền, và các công cụ đầu tư khác. Danh mục đầu tư được phân bổ dựa trên đánh giá về chất lượng tín dụng của từng tài sản và xu hướng biến động lãi suất trên thị trường nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn.
Rủi ro đầu tư	Rủi ro cao	Rủi ro cao	Rủi ro cao	Rủi ro trung bình	Rủi ro thấp	Rủi ro thấp

Ghi chú:

- SSIAM: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI.
- VCBF: Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

8.2. TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THỰC TẾ

Tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm của các Quỹ

Năm	Quỹ Năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Chiến lược	Quỹ Cân bằng	Quỹ Ổn định	Quỹ tích lũy
2021	20,92%	Quỹ mới thành lập năm 2022		13,83%	6,70%	Quỹ mới thành lập năm 2022

Ghi chú: Quỹ Năng động, Quỹ Cân bằng và Quỹ Ổn định của FWD được thành lập từ năm 2021. Kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở đảm bảo cho kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai. Các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán.

Các chỉ số đầu tư tham khảo

Năm	VN Index	Lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm	Lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 15 năm	Lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 20 năm	Lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 30 năm	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 năm (Vietcombank)
2021	28,56%	2,18%	2,41%	2,84%	3,02%	5,50%

8.3. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Tài sản của Quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ.
- Giá đơn vị quỹ là giá của một Đơn vị quỹ khi FWD thực hiện việc mua hoặc bán Đơn vị quỹ. Giá đơn vị quỹ có thể khác nhau theo từng Quỹ. Giá mua Đơn vị quỹ bằng với giá bán Đơn vị quỹ.
- Công ty sẽ xác định Giá đơn vị quỹ tối thiểu 1 lần mỗi tuần (trừ trường hợp lễ tết). Giá Đơn vị quỹ được công bố trên website www.fwd.com và trang FWD dịch vụ trực tuyến <https://e-services.fwd.com.vn>.
- Giá đơn vị quỹ liên kết đơn vị có thể tăng hoặc giảm. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị có thể cho kết quả âm và **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**.
- Giá trị của Quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn tổng số Phí bảo hiểm Bên mua bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của các Quỹ liên kết đơn vị được lựa chọn.

8.4. CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

- **Phí bảo hiểm rủi ro** là khoản tiền được FWD khấu trừ hàng tháng từ Giá trị quỹ hợp đồng bằng cách bán các Đơn vị quỹ để duy trì quyền lợi bảo vệ theo cam kết trong hợp đồng.
- **Phí quản lý hợp đồng** là khoản tiền được FWD khấu trừ hàng tháng từ Giá trị quỹ hợp đồng bằng cách bán các Đơn vị quỹ để cung cấp dịch vụ quản lý, duy trì và cung cấp các dịch vụ liên quan đến hợp đồng. Phí quản lý hợp đồng hiện tại là 42.000 đồng/tháng và mỗi năm tăng 3.000 đồng/tháng cho tới khi đạt mức tối đa là 60.000 đồng/tháng.

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	Từ năm hợp đồng thứ 7 trở đi
Phí quản lý hợp đồng/ tháng	42.000	45.000	48.000	51.000	54.000	57.000	60.000

- **Phí ban đầu** được tính dựa trên % Phí bảo hiểm cơ bản và % Khoản đầu tư thêm tại Năm hợp đồng mà Phí bảo hiểm được phân bổ.

Phí ban đầu tối đa	Năm hợp đồng					
	1	2	3	4	5	Từ năm hợp đồng thứ 6 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản	85%	70%	20%	0%	0%	0%
% Khoản đầu tư thêm	2%					1%

- **Phí quản lý quỹ** là khoản phí để chi trả cho hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ liên kết đơn vị. Phí quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ % tổng tài sản của Quỹ và được khấu trừ trước khi công bố Giá đơn vị quỹ.

Quỹ liên kết đơn vị	Quỹ Năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Chiến lược	Quỹ Cân bằng	Quỹ Ổn định	Quỹ Tích lũy
Phí quản lý quỹ tối đa	2,5%/năm	2,5%/năm	2,5%/năm	2,0%/năm	1,5%/năm	1,5%/năm

- **Phí chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị:** trong mỗi năm hợp đồng, Bên mua bảo hiểm sẽ được miễn Phí chuyển đổi quỹ cho 5 lần yêu cầu chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 6 trở đi, Phí chuyển đổi quỹ là 50.000 đồng cho mỗi lần chuyển đổi và được trừ từ số tiền bán các Đơn vị quỹ của Quỹ chuyển trước khi mua Đơn vị quỹ của Quỹ nhận.
- **Phí rút tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng:** không áp dụng Phí rút tiền từ cả Tài khoản bảo hiểm và Tài khoản đầu tư thêm.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

- **Phí chấm dứt hợp đồng** là khoản phí khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước hạn và chỉ áp dụng trên Tài khoản bảo hiểm. Phí chấm dứt hợp đồng được tính theo % Phí bảo hiểm cơ bản 1 năm và áp dụng tại năm mà Hợp đồng mất hiệu lực hoặc chấm dứt hiệu lực theo bảng sau:

Năm hợp đồng	1-3	4	5	6	7	8	9	Từ năm hợp đồng thứ 10 trở đi
Phí chấm dứt hợp đồng	100%	90%	80%	70%	60%	40%	20%	0%

8.5. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Công ty có thể áp dụng một hoặc kết hợp các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:

- (a) Thay đổi tên Quỹ liên kết đơn vị;
- (b) Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- (c) Chia tách hoặc sáp nhập các đơn vị Quỹ liên kết đơn vị hiện có;
- (d) Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang thực hiện giao dịch đầu tư tạm thời bị đình chỉ giao dịch;
- (e) Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Khi thực hiện bất kỳ một trong các biện pháp (a), (b), (c) hoặc (e), FWD sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 ngày trước khi áp dụng.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

DANH SÁCH 80 BỆNH HIỂM NGHÈO (áp dụng cho sản phẩm FWD CARE BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO 2.0)

Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo	Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo
Ung thư/ Rối loạn sản tủy xương hay Xơ hóa tủy xương	1. Bệnh Ung thư giai đoạn đầu 2. Hội chứng loạn sản tủy xương hay Xơ hóa tủy xương	1. Bệnh Ung thư giai đoạn sau	Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/ Suy thận giai đoạn cuối	18. Phẫu thuật cắt thận/cắt bỏ một bên thận	11. Suy thận mãn giai đoạn cuối
Bệnh của động mạch vành/ Điều trị can thiệp mạch vành/ Đặt máy điều trị rối loạn nhịp tim	3. Thủ thuật nong mạch vành hoặc can thiệp mạch vành qua da (PCI) để điều trị bệnh lý hai động mạch vành 4. Đặt máy khử rung tim 5. Đặt máy tạo nhịp tim	2. Nhồi máu cơ tim cấp 3. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 4. Bệnh động mạch vành nặng	Bỏng	19. Bỏng – mức độ vừa và nặng	12. Bỏng nặng
Phẫu thuật động mạch cảnh/ Động mạch não/ Đặt ống thông não bộ/ Đột quỵ	6. Phẫu thuật động mạch cảnh 7. Phẫu thuật dị dạng mạch máu não (AVM)/ phình mạch máu não 8. Đặt ống thông não bộ (shunt)	5. Tai biến mạch máu não (Đột quỵ)	Phẫu thuật gan/ Bệnh gan	20. Phẫu thuật gan 21. Xơ gan	13. Suy gan giai đoạn cuối. 14. Viêm gan bạo phát
Phẫu thuật van tim	9. Phẫu thuật van tim qua da	6. Phẫu thuật hở điều trị bệnh lý van tim.	Tăng áp lực động mạch phổi	22. Tăng áp lực động mạch phổi thứ phát	15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát
Phình động mạch chủ/ Phẫu thuật động mạch chủ	10. Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu động mạch chủ 11. Phình động mạch chủ không triệu chứng	7. Phẫu thuật động mạch chủ hở	Hôn mê	23. Hôn mê sâu – 72 giờ	16. Hôn mê sâu – 96 giờ
Điếc/ Phẫu thuật cấy ghép ốc tai	12. Mất thính lực một phần 13. Phẫu thuật Cấy ghép ốc Tai	8. Mất thính lực hoàn toàn (Điếc hoàn toàn)	Mù hoàn toàn/ Ghép giác mạc	24. Mù 1 mắt hoàn toàn 25. Ghép giác mạc	17. Mù 2 mắt hoàn toàn
Bệnh phổi/ Cắt một bên phổi/ Đặt màng lọc tĩnh mạch chủ/ Mờ khí quản/ Hen ác tính	14. Phẫu thuật cắt một bên phổi 15. Mờ khí quản kéo dài 16. Hen phế quản nặng/ Hen phế quản ác tính	9. Bệnh phổi giai đoạn cuối	Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim cơ thắt/ Phi đại cơ tim/ Bệnh lý cơ tim	26. Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim cơ thắt 27. Phẫu thuật điều trị phi đại cơ tim	18. Bệnh lý cơ tim
Ghép ruột non/ Ghép tạng	17. Ghép ruột non	10. Phẫu thuật ghép tạng chủ	Bệnh Parkinson	28. Bệnh Parkinson giai đoạn đầu	19. Bệnh Parkinson giai đoạn muộn

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 200684449465

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

DANH SÁCH 80 BỆNH HIỂM NGHÈO (áp dụng cho sản phẩm FWD CARE BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO 2.0) (tiếp theo)

Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo	Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo
Liệt/ Cụt chi	29. Liệt/ Cụt 1 chi	20. Liệt/ Cụt 2 chi	Suy tuyến thượng thận mạn tính nguyên phát/ Bệnh Addison		34. Suy tuyến thượng thận mạn tính nguyên phát/ Bệnh Addison
Phẫu thuật U tuyến yên/ U màng não tủy/ Phẫu thuật điều trị động kinh/ U lành ở não	30. Phẫu thuật u tuyến yên 31. Phẫu thuật cắt bỏ khối u màng não tủy 32. Phẫu thuật điều trị động kinh kháng thuốc	21. U não lành tính	Viêm tụy mạn tính tái phát		35. Viêm tụy mạn tính tái phát
Phẫu thuật điều trị gãy xương do loãng xương/ Viêm đa khớp dạng thấp nặng	33. Phẫu thuật điều trị gãy xương do loãng xương	22. Viêm đa khớp dạng thấp nặng	Xơ cứng rải rác		36. Xơ cứng rải rác
Thiếu máu bất sản		23. Thiếu máu bất sản	Bệnh loạn dưỡng cơ		37. Bệnh loạn dưỡng cơ
Nhiễm vi-rút Suy giảm miễn dịch ở người (HIV) do nghề nghiệp là nhân viên y tế		24. Nhiễm vi-rút Suy giảm miễn dịch ở người (HIV) do nghề nghiệp là nhân viên y tế	Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ trầm trọng		38. Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ trầm trọng
Bệnh chân voi		25. Bệnh chân voi	Bệnh tế bào thần kinh vận động		39. Bệnh tế bào thần kinh vận động
Nhiễm HIV do truyền máu		26. Nhiễm HIV do truyền máu	Viêm não		40. Viêm não
Cấy ghép tủy xương		27. Cấy ghép tủy xương	Bệnh bại liệt		41. Bệnh bại liệt
Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng Viêm thận do Lupus		28. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng Viêm thận do Lupus	Viêm màng não do vi khuẩn		42. Viêm màng não do vi khuẩn
Bệnh nang ở tủy thận		29. Bệnh nang ở tủy thận	Mất khả năng sống tự lập		43. Mất khả năng sống tự lập
Hội chứng Eisenmenger		30. Hội chứng Eisenmenger nghiêm trọng	Hội chứng Apallie		44. Hội chứng Apallie
Bệnh Kawasaki với biến chứng tim		31. Bệnh Kawasaki với biến chứng tim	Phẫu thuật não		45. Phẫu thuật não
Bệnh Still		32. Bệnh Still	Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)		46. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)
Xơ cứng bì tiến triển		33. Xơ cứng bì tiến triển	Câm		47. Câm

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH PHU

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 200684449465

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 15/08/2022 14:08 CH

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi, Bên mua bảo hiểm, xác nhận đã được Tư vấn tài chính (i) phân tích nhu cầu và khả năng tài chính, (ii) khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro và (iii) tư vấn đầy đủ về Quy tắc, điều khoản và quyền lợi của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ đính kèm minh họa trong tài liệu này.
- Tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị là một cam kết dài hạn và các khoản phí phải trả có thể là rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng.
- Bằng việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã đọc và hiểu rõ về (các) sản phẩm bảo hiểm minh họa trong tài liệu này và nhận thức rõ được các quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư, rủi ro đầu tư, các khoản phí phải đóng và tôi đồng ý tham gia các sản phẩm bảo hiểm này.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH

- Tôi, Tư vấn tài chính, bằng việc ký tên hoặc xác nhận OTP dưới đây, xác nhận rằng chính tôi đã trực tiếp phân tích nhu cầu, khả năng tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của Bên mua bảo hiểm. Tôi đã giải thích đầy đủ, trung thực cho Bên mua bảo hiểm về chi tiết của tài liệu Minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký/xác nhận của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký/xác nhận của Tư vấn tài chính

OTP xác thực lúc:

OTP xác thực lúc:

Họ và tên: NGUYEN MINH PHU

Ngày : 15/08/2022

Họ và tên: CTY BHNT FWD VIETNAM

Ngày : 15/08/2022

Minh họa quyền lợi bảo hiểm này có giá trị khi có đầy đủ các trang và chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ